

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 162/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về chế độ tiền lương, chế độ trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức Kiểm toán Nhà nước và chế độ ưu tiên đối với kiểm toán viên nhà nước

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn bảng lương và phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo Kiểm toán Nhà nước; bảng lương, phụ cấp, trang phục đối với cán bộ, công chức Kiểm toán Nhà nước; chế độ ưu tiên đối với kiểm toán viên nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 794/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 22 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức và người lao động của Kiểm toán Nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 162/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về chế độ tiền lương, chế độ trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức Kiểm toán Nhà nước và chế độ ưu tiên đối với kiểm toán viên nhà nước như sau:

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 1.** Nghị định này quy định về chế độ tiền lương, chế độ trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức Kiểm toán Nhà nước và chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức và người lao động thuộc Kiểm toán Nhà nước.”

2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 2.** Nghị định này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Kiểm toán Nhà nước, gồm:

1. Các chức danh lãnh đạo Kiểm toán Nhà nước và các chức danh chuyên môn, nghiệp vụ ngành Kiểm toán Nhà nước quy định tại Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn bảng lương và phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo Kiểm toán Nhà nước; bảng lương, phụ cấp, trang phục đối với cán bộ, công chức Kiểm toán Nhà nước; chế độ ưu tiên đối với kiểm toán viên nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11).

2. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này.”

3. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức và người lao động thuộc Kiểm toán Nhà nước

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán, Kiểm toán Nhà nước được trích 2% số tiền do Kiểm toán Nhà nước phát hiện và kiến nghị, bao gồm:

a) Các khoản tăng thu ngân sách nhà nước về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác đã nộp vào ngân sách nhà nước;

b) Các khoản chi ngân sách sai chế độ đã nộp lại ngân sách nhà nước;

c) Các khoản chi ngân sách sai chế độ đã xử lý giảm chi, giảm thanh toán vào ngân sách năm sau.

2. Số kinh phí 2% được sử dụng cho các nội dung sau đây:

a) Chi khuyến khích, thưởng cho cán bộ, công chức và người lao động thuộc Kiểm toán Nhà nước không vượt quá 0,8 lần mức lương chức vụ hoặc mức lương chuyên môn, nghiệp vụ cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên nghề và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

b) Số kinh phí còn lại sau khi chi khuyến khích, thưởng cho cán bộ, công chức và người lao động thuộc Kiểm toán Nhà nước, được sử dụng để đầu tư cơ sở vật chất và tăng cường năng lực hoạt động của ngành.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

2. Các chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức và người lao động thuộc Kiểm toán Nhà nước được thực hiện kể từ ngày Nghị quyết số 794/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 22 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành.

3. Việc xác định căn cứ để trích 2% kinh phí của Kiểm toán Nhà nước đối với việc thực hiện kết quả kiểm toán từ năm 2007 đến năm 2010 theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện trích lập và sử dụng nguồn kinh phí 2% số tiền do Kiểm toán Nhà nước phát hiện và kiến nghị.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng Kiểm toán Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng chính sách xã hội;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT,
Các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng